

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 9
HKI - NĂM HỌC 2019 -2020

A. PHẦN VĂN BẢN:

I. Truyện trung đại:

T T	Thời gian	Tác giả- tác phẩm	Thể loại	Những nét chính về	
				Nội dung	Nghệ thuật
1	Thế kỷ XVI	Nguyễn Dữ Chuyện người con gái Nam Xương (Trích Truyện kì mạn lục)	Truyện kì	Thể hiện số phận bi kịch của người phụ nữ trong XHPK. Ca ngợi vẻ đẹp nhân cách sáng ngời của họ; cảm thương cho những đau thương, oan trái của họ; phê phán thói ghen tuông mù quáng, chế độ nam quyền, những luật lệ hà khắc của XHPK đối với họ.	Khai thác vốn VHĐG; sáng tạo về cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện. Sử dụng yếu tố truyền kì, sáng tạo một kết thúc tác phẩm không sáo mòn.
2	Nửa cuối TK XVIII - nửa đầu TK XIX	Nguyễn Du - Truyện Kiều: - Chị em Thúy Kiều - Cảnh ngày xuân - Kiều ở lầu Ngưng Bích	Truyện Nôm bác học	Nội dung hiện thực và nhân đạo (bài giới thiệu). Cảm hứng nhân đạo của nhà thơ: ca ngợi vẻ đẹp và tài năng của con người. Vẻ đẹp cảnh thiên nhiên ngày xuân + cảnh lễ hội trong tiết thanh minh Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Kiều.	Thể thơ lục bát. Sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc họa nhân vật... NT XD NV: sử dụng những hình ảnh tượng trưng ước lệ, NT đòn bẩy, ngôn ngữ miêu tả tinh tế. Nghệ thuật chấm phá, từ ngữ tinh tế, có tính chất tạo hình, cảnh miêu tả qua tâm trạng. Miêu tả nội tâm NV: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc; từ ngữ chọn lọc.

Cuối TK XVIII - đầu TK XIX	Hoàng Lê Thống Nhất chí - hồi 14 (Ngô Gia Văn Phái)	Tiểu thuyết lịch sử	Ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789).	Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến lịch sử; khắc họa NV LS, hình ảnh ... với ngôn ngữ kể, tả chân thực, sinh động; có giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ tác giả.
----------------------------	---	---------------------	---	--

II. Truyện hiện đại:

TT	TP, tác giả	Thời gian, tập thơ	Thể loại	Nét chính về	
				Nội dung (ý nghĩa)	Nghệ thuật
1	Làng Kim Lân	1948	Truyện ngắn	Đoạn trích thể hiện Tình cảm yêu làng, tinh thần yêu nước của người nông dân trong thời kỳ đầu kháng chiến chống TDP.	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo tình huống gây cấn. - Miêu tả tâm lý nhân vật chân thực và sinh động qua suy nghĩ, hành động, qua lời nói (đối thoại và độc thoại).
2	Lặng lẽ Sa Pa Nguyễn Thành Long	1970 Giữa trong xanh	Truyện ngắn	Là câu chuyện về cuộc gặp gỡ với những con người trong một chuyến đi thực tế của nhân vật ông họa sĩ, qua đó, tác giả thể hiện niềm yêu mến đối với những con người có lẽ sống cao đẹp đang lặng lẽ quên mình cống hiến cho Tổ quốc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo tình huống truyện tự nhiên, tình cờ, hấp dẫn. - Nhân vật chính gây ấn tượng. - NT miêu tả thiên nhiên đặc sắc; miêu tả NV với nhiều điểm nhìn. - Kết hợp giữa kể với tả, biểu cảm và nghị luận. - Tạo chất trữ tình, chất thơ cho tác phẩm.
3	Chiếc lược ngà Nguyễn Quang Sáng	1966	Truyện ngắn	Là câu chuyện cảm động về tình cha con sâu nặng trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh, Chiếc lược ngà cho ta hiểu thêm về những mất mát to lớn mà nhân dân ta đã trải qua trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.	<ul style="list-style-type: none"> + Chọn người kể chuyện thích hợp, kể theo ngôi thứ nhất, người kể chuyện không chỉ là người chứng kiến, người trong cuộc mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với nhân vật. + Miêu tả tâm lý nhân vật phù hợp, tinh tế. + Xây dựng cốt truyện chặt chẽ; tình huống bất ngờ, trớ trêu mà hợp lí.

III. Thơ hiện đại:

TT	TP, tác giả	Hoàn cảnh sáng tác, tập thơ	Thể loại	Nét chính về	
				Nội dung (ý nghĩa)	Nghệ thuật
1	Đồng Chí Chính Hữu	Sáng tác vào năm 1948, tập thơ “Đầu súng trăng treo”	Thơ tự do	Tình đồng đội, đồng chí gắn bó, keo sơn, hình ảnh người lính mang vẻ đẹp bình dị mà cao cả	Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính Phạm Tiến Duật	Sáng tác vào năm 1969 và được đưa vào tập thơ “Vàng trăng quầng lửa”.	Thơ tự do	Ca ngợi vẻ đẹp của người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: tư thế hiên ngang, bất chấp gian nguy, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu kiên cường vì Miền Nam	- Hình ảnh thơ độc đáo, đậm chất hiện thực. - Giọng thơ ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch...
3	Đoàn thuyền đánh cá Huy Cận	Sáng tác giữa năm 1958, được in trong tập thơ “Trời mỗi ngày lại sáng”.	Bảy chữ	Ca ngợi biển cả lớn lao, giàu đẹp. Ngợi ca sự lao động nhiệt tình vì sự giàu đẹp của đất nước, của những người LĐ mới.	- Hình ảnh thơ tráng lệ được sáng tạo bằng bút pháp lãng mạn, phóng đại, sự liên tưởng phong phú. - Âm hưởng thơ khỏe khoắn, sôi nổi...
4	Bếp lửa Bằng Việt	Sáng tác vào 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài. Được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”.	Tám chữ	Tình cảm, lòng kính yêu, trân trọng của cháu đối với bà và cũng là đối với quê hương, đất nước.	- Kết hợp biểu cảm + miêu tả + tự sự + bình luận. - Hình ảnh thơ vừa gần gũi vừa gợi nhiều liên tưởng, mang ý nghĩa biểu tượng.
5	Ánh trăng Nguyễn Duy	Được sáng tác vào năm 1978, tại TPHCM sau khi		Bài thơ “Ánh Trăng” như một lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua	Bài thơ kết cấu như một câu chuyện kể giản dị, kết hợp hài hòa giữa biểu cảm và

		đất nước đã thống nhất	Năm chữ	<p>của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu.</p> <p>Bài thơ có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống: “uống nước nhớ nguồn”, thủy chung, ân tình cùng quá khứ.</p>	tự sự. Giọng điệu thơ tâm tình tự nhiên, h/a thơ giàu tính biểu tượng.
--	--	------------------------	---------	---	--

IV. Truyện nước ngoài: Cổ hương.

Nắm tên tác giả, ý nghĩa truyện.

☞ **Những nội dung cần đạt được khi ôn luyện phần văn bản (Văn bản, đoạn trích ở SGK, ở ngoài SGK)**

- ① Phương thức biểu đạt chính của văn bản, hoặc đoạn trích.
- ② Tên tác giả, tác phẩm.
- ③ Nội dung, ý nghĩa của văn bản.
- ④ Ý nghĩa một số chi tiết, hình ảnh trong văn bản; ý nghĩa nhan đề.
- ⑤ Tìm văn bản cùng đề tài, chủ đề, thể loại.
- ⑥ Đặc điểm nhân vật.
- ⑦ Những biện pháp nghệ thuật.

☺ **BÀI TẬP VẬN DỤNG:**

1. Giải thích nhan đề sau: Truyện kì mạn lục, Đoạn trường tân thanh, Hoàng Lê nhất thống chí.
2. Thế nào là bút pháp ước lệ tượng trưng? Chép một đoạn thơ sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng? Thế nào là tả cảnh ngụ tình? Chép một đoạn thơ sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình?
3. Vì sao tác giả đặt tên truyện là Lặng lẽ Sa pa? Chép nguyên văn câu văn khái quát chủ đề của Truyện và câu văn thể hiện mục đích sống của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm.
4. Ý nghĩa các nhan đề: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Làng, Chiếc lược ngà.
5. Nêu đặc điểm của từng nhân vật sau: anh thanh niên, ông Hai, bé Thu.
6. Ý nghĩa biểu tượng của những hình ảnh thơ sau:
 - 6.1. Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” trong “Đồng chí”
 - 6.2. Hình ảnh “Bếp lửa” trong “Bếp lửa”
 - 6.3. Hình ảnh “câu hát” trong “Đoàn thuyền đánh cá”.
 - 6.4. Hình ảnh “vàng trắng” trong “Ánh trăng”.

7. Phân tích các phép tu từ có ở từng ví dụ sau:

7.1. Khổ cuối của “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

7.2. Khổ đầu của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”

7.3. Các dòng thơ: Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính / Bụi phun tóc trắng như người già.

7.4. Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!

7.5. Khổ cuối bài “Ánh trăng”.

8. Nội dung, ý nghĩa các dòng thơ:

8.1. Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

8.2. Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước, / Chỉ cần trong xe có một trái tim.

8.3. Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

8.4. ánh trăng im phăng phắc / đủ cho ta giật mình.

9. Ở các truyện: **Làng**, **Lặng lẽ Sa Pa**, **Chiếc lược ngà**, chỉ ra tình huống truyện (của từng truyện) và nêu tác dụng.

10. Dưới đây là lời nói/ lựa chọn của ai? Được trích từ tác phẩm nào, tác giả là ai và cho biết thể loại của tác phẩm? Qua đoạn trích, nhân vật này có những phẩm chất gì?

a. “- *Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua là mấy mươi ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi thua một trận ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nữ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải là Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa cho ta được yên ổn mà nuôi lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?”*

b. *Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.*

c. *Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? (...) Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*

B. Tiếng Việt:

1. Các phương châm hội thoại:

1.1. Nội dung từng phương châm:

- **Phương châm về lượng:** nói cho có nội dung; nội dung đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

Vd: Rượu nhạt uống lắm cũng say, / Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm; Câm miệng hên; Nói tới nói lui...

- **Phương châm về chất:** Đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

Vd: Nói đứng dựng ngược; Nói ba hoa thiên tướng; Nói hươu nói vượn; Cãi chày cãi cối,...

- **Phương châm quan hệ:** nói đúng đề tài giao tiếp; không nói lạc đề.

Vd: Ông nói gà, bà nói vịt; Đánh trống lảng; Nói bóng nói gió...

- **Phương châm cách thức:** nói ngắn gọn, rành mạch; tránh lối nói mơ hồ.

Vd: Nói ra đầu ra đũa; Nói rỗng nói rắn; Lúng búng như ngậm hột thị; Nửa úp nửa mở...

- **Phương châm lịch sự:** nói tế nhị, tôn trọng người khác khi tham gia giao tiếp.

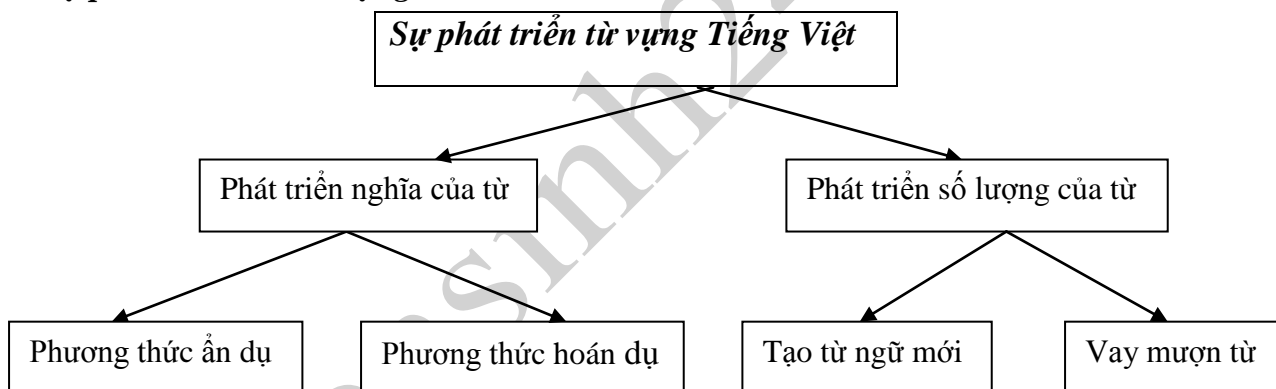
Vd: Nói ngọt lọt đến xương; Nói như đâm vào tai; Mồm loa mép giải; Nói hành nói tỏi...

1.2. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp (nói với ai? Nói để làm gì? Nói khi nào? Nói ở đâu?).

1.3. Ba nguyên nhân vi phạm phương châm hội thoại:

- Do người nói vô ý, vụng về trong giao tiếp.
- Người nói ưu tiên cho một phương châm khác hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.
- Muốn người nghe chú ý, hiểu theo hàm ý.

2. Sự phát triển của từ vựng:



3. Các phép tu từ từ vựng.

4. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

5. Trau dồi vốn từ.

6. Xưng hô trong hội thoại.

☞ Hướng ôn và luyện:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về các phương châm hội thoại. Và làm các dạng bài tập về phương châm hội thoại: giải nghĩa thành ngữ, ca dao rồi cho biết ứng với phương châm hội thoại nào; hiểu được phương châm hội thoại nào bị vi phạm, nguyên nhân vi phạm trong ví dụ cụ thể... và biết cách chữa lại cho đúng.

- Nắm các cách phát triển từ vựng, chỉ ra được các cách phát triển từ vựng cụ thể trong ngữ cảnh. Phân biệt phương thức chuyển nghĩa với phép tu từ.

- Hiểu nghĩa, giải nghĩa của từ trong văn cảnh cụ thể, đặt câu với từ theo yêu cầu.

- Nhận diện, phân biệt lời dẫn trực tiếp, gián tiếp và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu, đoạn văn có lời dẫn.
- Chỉ ra từ ngữ xung hô trong văn cảnh cụ thể và phân tích ý nghĩa của việc dùng từ ngữ xung hô. Biết chọn từ ngữ xung hô phù hợp với tình huống giao tiếp.

☺ Bài tập vận dụng:

Bài 1. Trong các ví dụ sau, phương châm nào đã bị vi phạm, giải thích? Việc vi phạm như vậy có chấp nhận được không, vì sao?

a. Lời cảnh báo lịch sự

Cảnh sát giao thông Paris nổi tiếng lịch sự. Sau đây là một bằng chứng:

- *Thưa ngài – viên cảnh sát nọ nói với một khách bộ hành qua đường, mắt mãi nhìn trời sao ban đêm – nếu ngài cứ nhìn lên đó và quên nhìn con đường ngài đang qua, chắc chắn ngài sẽ khó đến được nơi ngài cần đến. Mà ngài sẽ sớm đến được nơi ngài đang xem...*

b. Đọc đoạn hội thoại sau :

(...) Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi :

- *Hồng! Mà có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mà không?*

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia (...). Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi (...). Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dù non một năm rông mẹ tôi không gởi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi một đồng quà.

Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:

- *Không ! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.*

c. Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

(Bếp lửa – Bằng Việt)

d. Một cậu bé năm tuổi đang chơi quả bóng nhựa trong phòng đọc sách của bố. Quả bóng văng vào ngăn dưới của một tủ sách. Cậu bé tìm mãi không ra, bèn hỏi bố. Ông bố đáp:

- *Quả bóng nằm ngay dưới cuốn “Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao” kia kìa.*

Bài 2. Giải nghĩa các từ in đậm, đâu là nghĩa gốc, đâu là nghĩa chuyển và cho biết chuyển theo phương thức nào?

- 1a. Cỏ non **xanh** tận chân trời.
 1b. Vào vườn hái quả cau **xanh** / Bỏ ra làm sáu mời anh xơi trầu.
 2a. Phong lưu rất mực hồng quần.
 Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
 2b. Làn thu thủy, nét **xuân** sơn,
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
 3a. Súng bên súng, **đầu** sát bên **đầu**.
 3b. **Đầu** súng trắng treo.
 4a. Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 4b. (Miệng cười buốt giá) **Chân** không giày,
 5a. Thương nhau **tay** nắm lấy bàn **tay**.
 5b. Tay dài như **tay** vượn.
 6. **Lưng** núi thì to mà **lưng** mẹ nhỏ.
 7. a. Trà sữa **nhà** làm. b. Rau **sạch**. c. Thịt **bẩn**.

Bài 3.

3.1. Chuyển lời dẫn trực tiếp sau thành lời dẫn gián tiếp:

Anh thanh niên đỏ mặt, rõ ràng luống cuống:

- Vâng, mời bác và cô lên chơi. Nhà cháu kia. Lên cái bậc tam cấp kia, trên ấy có cái nhà đấy. Nước sôi đã có sẵn, nhưng cháu về trước một tí. Bác và cô lên ngay nhé!

(Lặng lẽ Sa Pa)

3.2. Chỉ ra lời dẫn gián tiếp trong ví dụ sau và chuyển thành lời dẫn trực tiếp:

Chàng vẫn không tin nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra thì lại giấu không kể lời con nói; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng...

(Chuyện người con gái Nam Xương)

Bài 4. Cho biết các từ in đậm sau được phát triển từ vựng theo cách nào?

- 4.1. **Trùng tu** nhan sắc.
 4.2. Ở nơi đảo nhỏ xa xôi, luôn có những người thầy ngày đêm miệt mài bên giáo án để **dệt** ước mơ **gieo** "mầm xanh" và âm thầm chờ những "chuyến đò" qua sông.
 4.3. Bọn **nài** thuốc lá lậu là những hung thần trên đường phố.
 4.4. Hành động **livestream** bộ phim "Cô Ba Sài Gòn" của một thanh niên ở thành phố Vũng Tàu khi đang xem phim tại rạp là vi phạm pháp luật.
 4.5. Kiến nghị **lùi** thời gian tăng thuế môi trường.
 4.6. Thành phố thu hồi những khu đất **vàng** sử dụng không đúng mục đích.
 4.7. Tin nhắn **rác khủng bố** tinh thần khách hàng.

Bài 5. Phân biệt phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ với phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ, hoán dụ?

Trường hợp sau (những từ in đậm) có phải là phương thức chuyển nghĩa không, vì sao?

- a. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi / **Mặt trời** của mẹ, em nằm trên lưng?

(Nguyễn Khoa Điềm)

- b. «**Xanh** kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ»

(Chuyện người con gái Nam Xương)

- c. Xu hướng xe **xanh** đang phát triển.

Bài 6. Đặt câu với mỗi từ sau: trắng tay, tay trắng; nhuận bút, lợi nhuận; kiếm kê, kiếm điểm; tóm tắt, tóm lược; yếu điểm, điểm yếu; phai nhạt, phai mờ; tri thức, trí thức.

C. Tập làm văn:

Kiểu văn bản tự sự

☞ Làm bài văn tự sự có sử dụng các yếu tố nghị luận, miêu tả; đối thoại, độc thoại và độc thoại tâm.

☺ Các đề gợi ý:

1. Đóng vai người cháu trong bài thơ **Bếp lửa** (Bằng Việt) kể lại kỉ niệm về những năm tháng sống bên bà. Suy nghĩ của em về ý nghĩa của gia đình đối với mỗi con người.
2. Dựa vào bài thơ **Ánh trăng** kể câu chuyện về mối quan hệ giữa người lính và vầng trăng.
3. Hãy thay lời ông Hai trong truyện ngắn **Làng**, kể lại việc ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.
5. Hãy thay lời Thu lúc đã về già (trong truyện **Chiếc lược ngà**) kể lại cuộc gặp gỡ giữa Thu với bác Ba.
6. Tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** (của nhà thơ Phạm Tiến Duật).
7. Tưởng tượng 20 năm sau về thăm trường cũ.
8. Đóng vai cô kỹ sư (trong **Lặng lẽ Sa Pa**) kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật anh thanh niên.
9. Cho nhan đề: Tình yêu thương là mãi mãi.
Kể câu chuyện ứng với nhan đề trên.
10. Trong vai một nhân vật trong truyện kể lại truyện sau:

TIẾNG VỌNG RỪNG SÂU

Có một cậu bé ngộ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: «Tôi ghét người». Từ khu rừng có tiếng vọng lại: «Tôi ghét người». Cậu hoảng hốt quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng lại có người ghét cậu.

Người mẹ nắm tay con đưa trở lại khu rừng. Bà nói: «Giờ thì con hãy hét thật to: tôi yêu người». Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: «Tôi yêu người». Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu: «Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó... ».

(Quà tặng của cuộc sống, Nhà Xuất Bản Trẻ)

D. Một số đề tham khảo:

Đề 1

I. ĐỌC-HIỂU (3.0 điểm) Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Sau trận động đất đã qua đi, khi các nhân viên cứu hộ đến tàn tích của một ngôi nhà, họ nhìn thấy thân thể một người phụ nữ qua các vết nứt. Người đội trưởng đội cứu

hộ đã rất khó khăn để chạm tới cơ thể của cô ấy. Cơ thể lạnh và cứng đã nói lên chắc chắn rằng cô đã qua đời.

Tiếp tục tìm kiếm, bỗng anh hét lên đầy phấn chấn: “Một đứa bé! Có một đứa bé!”

Cả đội cùng nhau cẩn thận bỏ từng cái cốc trong đồng hồ nát xung quanh xác người phụ nữ. Có một bé trai ba tháng tuổi được bọc trong một tấm chăn hoa ngay bên dưới xác người mẹ. Người phụ nữ rõ ràng đã thực hiện sự hi sinh cuối cùng để cứu con trai mình. Khi ngôi nhà của cô rơi xuống, cô đã dùng cơ thể của mình để làm tấm chắn bảo vệ con mình. Cậu bé vẫn ngủ một cách yên bình khi đội trưởng đội cứu hộ nhắc bé lên.

Bác sĩ đã nhanh chóng kiểm tra sức khỏe cậu bé. Sau khi mở tấm chăn, ông nhìn thấy một chiếc điện thoại di động bên trong. Có một tin nhắn văn bản trên màn hình nói rằng: “Nếu con còn có thể sống sót, con phải nhớ rằng mẹ rất yêu con”...

(Nguồn Internet)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Theo em điều sâu sắc nhất mà văn bản muốn gửi tới người đọc là gì? Hãy đặt một nhan đề thích hợp cho văn bản trên?

Câu 3. Lời nói của người đội trưởng đội cứu hộ được dẫn theo cách trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4. Ghi ra hai từ Hán Việt trong văn bản trên?

II. VẬN DỤNG (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm). Đặt 2 câu văn: một câu có từ nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, một câu có từ nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ. Gạch chân và ghi chú thích dưới từ đó.

Câu 2 (5,0 điểm).

Cuộc đời mỗi người có biết bao kỉ niệm tuổi thơ đọng đầy cảm xúc, không thể nào quên.

Hãy viết một bài văn kể lại một kỉ niệm tuổi thơ làm em nhớ mãi.

- Hết -

Đề 2

Câu 1 (3,0 điểm). Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Những lời nói dối của mẹ

(...) Khi tôi thi tốt nghiệp, mẹ đưa tôi đi. Mẹ đợi tôi hàng giờ dưới ánh nắng chói chang. Khi chuông reo, tôi chạy lại phía mẹ... Mẹ ôm lấy tôi và đưa bình trà mẹ mang theo. Trà không đậm như tình thương của mẹ. Nhìn mẹ đầy mồ hôi, lúc đó tôi đưa bình trà bảo mẹ uống chung, mẹ từ chối: “Uống đi con, mẹ không khát đâu.”

(...) Vừa đi làm, tôi vừa tiếp tục học lên cao học. Được nơi làm việc hỗ trợ tài chính, tôi lấy được **tấm bằng thạc sĩ**. Với mức lương rất cao, tôi quyết định đưa mẹ lên

thành phố **sống** chung nhưng mẹ không muốn làm phiền con trai. Mẹ bảo: “Mẹ không quen sống ở thành phố”.

Và mẹ ơi, còn bao nhiêu lời nói dối nữa?

(Cám ơn cuộc đời)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Hãy nêu vẻ đẹp của người mẹ toát lên từ đoạn trích trên? Kể tên một văn bản đã học (đọc thêm) trong chương trình Ngữ văn 9 cũng ngợi ca người mẹ?

Câu 3. Chỉ ra một phương châm hội thoại bị vi phạm ở đoạn trích trên, giải thích.

Câu 4. Những từ ngữ in đậm được phát triển từ vựng theo cách nào?

Câu 2 (2,0 điểm). Thực hiện:

Viết đoạn văn khoảng 5 dòng phân tích ngắn gọn tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên (ở câu 1).

Câu 3 (5,0 điểm). Lòng dũng cảm làm con người ta mạnh mẽ, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn mỗi ngày...

Hãy kể một câu chuyện về lòng dũng cảm.

- Hết -

Đề 3

Câu 1 (3,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng ba mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bé nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

(Sách Ngữ văn 9, tập II)

1.1. Đoạn trích trên thuộc văn bản nào, tác giả là ai?

1.2. Hiểu như thế nào về chi tiết: “Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.”?

1.3. Chỉ ra một lời dẫn trực tiếp có ở đoạn trích trên và cho biết dựa vào đâu để nhận ra?

1.4. Giải nghĩa từ in đậm trong đoạn trích, cho biết từ này được phát triển từ vựng theo cách nào?

Câu 2 (2,0 điểm). Ở bài thơ **Ánh trăng** của nhà thơ Nguyễn Duy, “vàng trắng” là hình ảnh thơ gợi cảm mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa.

Viết đoạn văn ngắn nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ này.

Câu (5,0 điểm).

Trong cuộc đời, mỗi chúng ta gặp được biết bao người. Có những người gặp rồi quên ngay, nhưng cũng có những người chỉ gặp một lần mà nhớ mãi không quên.

Hãy kể về một người để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng em.

- Hết -

Đề 4.

Câu 1 (3,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Đừng bao giờ đánh giá người khác qua vẻ ngoài của họ” là dòng tiêu đề trong đoạn chia sẻ mà một ông bố người Singapore gửi gắm đến con trai mình. Cuối tuần qua, nhiều người dùng mạng xã hội chia sẻ bài của anh Calvin Soh – tài khoản “Father anh Son” (bố và con trai) – với những hình ảnh là nét vẽ ngộ nghĩnh của một ông bố. Bức tranh đầu tiên có dòng chữ: “Bố ơi, con không ngửi thấy được. Ông ấy bốc mùi quá”. Calvin đặt câu hỏi dành cho mọi người là liệu chúng ta sẽ nói với con mình như thế nào trong trường hợp này. Và anh chia sẻ điều người bố nói với con trai mình: “Con có biết ông ấy bốc mùi gì không? Đó là mùi của người làm việc liên tục 14 tiếng đồng hồ đấy! Ông ấy bốc mùi của người làm công việc mà chúng ta thường không sẵn làm”.

Đoạn đối thoại của bố và con trai đã chạm đến **trái tim** nhiều người nhưng vẫn chưa dừng lại ở đó. Anh Calvin chia sẻ thêm: “Ông ấy bốc mùi của người nhớ gia đình mình quay quắt. Có thể ông ấy phải nhen nỡ nhớ con để đợi gặp bọn trẻ hai năm một lần...”. Những bức vẽ nối tiếp nhau và cái kết có hậu dừng lại ở hình ảnh cậu bé ngửi xuống bên người đàn ông ấy, một người lao động nhập cư.

(Trích từ “Báo Phụ nữ chủ nhật”)

1.1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

1.2. Thông điệp sâu sắc mà người viết muốn gửi đến mọi người là gì?

1.3. Ghi tên một tác phẩm (có tên tác giả đi kèm) ở chương trình ngữ văn 9 HKI có cùng đề tài (chủ đề) với đoạn trích này.

1.4. Chỉ ra một lời dẫn gián tiếp có ở đoạn trích.

1.5. Từ in đậm “**trái tim**” là phương thức chuyển nghĩa hay phép tu từ, giải thích?

Câu 2 (2,0 điểm). Thực hiện theo các yêu cầu sau:

2.1. Đặt câu với mỗi từ ngữ sau: tối tân, mới nhất

2.2. Đặt một câu trong đó có một phương châm hội thoại bị vi phạm nhưng chấp nhận được.

* Lưu ý: gạch chân (chỉ ra) những nội dung thực hiện theo yêu cầu của đề khi đặt câu.

Câu 3 (5,0 điểm).

Chọn nhan đề: *Tình cha*

Hãy kể một câu chuyện ứng với nhan đề trên.

- Hết -

Tuyensinh247.com